TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 3 – 2024
V/v yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm
Ông Lê Ngọc Ân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 700/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1969 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lưu Minh H, sinh năm 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Lê Thị C trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1986, được gia đình hai bên chấp nhận, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, ông H hay nhậu và đánh bà, không chăm lo làm ăn, đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà và ông H đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi từ năm 2016 cho đến nay. Do không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung, ông bà có 04 con chung tên là Lưu Chí H1, sinh năm 1988, Lưu Minh T, sinh năm 1990, Lưu Tuyết H2, sinh năm 1992 và Lưu Tuyết P, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Đối với ông Lưu Minh H đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, nhưng đến nay ông H vẫn không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lưu Minh H đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà C, xét thấy, bà C cho rằng bà và ông H chung sống với nhau vào năm 1986, được gia đình hai bên chấp nhận nhưng không đăng ký kết hôn, còn ông H vắng mặt và không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề hôn nhân nên chấp nhận như trình bày của bà C và xác định hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm chung sống theo tinh thần quy định tại điểm a, khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nay bà C cho rằng bà và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng do ông H hay nhậu, chơi bời, không chăm lo làm ăn, vợ chồng đã ly thân nhau mỗi người sống một nơi từ năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn ông H không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của bà C và chấp nhận cho bà C ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Ông bà có ông bà có 04 con chung tên là Lưu Chí H1, sinh năm 1988, Lưu Minh T, sinh năm 1990, Lưu Tuyết H2, sinh năm 1992 và Lưu Tuyết P, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà C xác định không có, còn ông H không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của bà C.

[6] Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị C ly hôn với ông Lưu Minh H.

2/ Về con chung: ông bà có 04 con chung tên là Lưu Chí H1, sinh năm 1988, Lưu Minh T, sinh năm 1990, Lưu Tuyết H2, sinh năm 1992 và Lưu Tuyết P, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà C phải nộp. Bà C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0007743 vào ngày 06/12/2023, được đối trừ, bà C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh